

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HS-ST
Ngày 06 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bắc Hải;

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/HSST-QĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 tại thành phố S1, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Tiểu khu x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Hữu Q và bà Đào Thị L (đều đã chết); có chồng là Phạm Văn T và có 02 con (con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2020 đến ngày 10/02/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Hà Thị S, tên gọi khác: H1, sinh năm 1969 tại huyện T1, tỉnh Yên Bái. Nơi ĐKKHKT: Bản C, xã H2, huyện V, tỉnh Yên Bái; chỗ ở hiện nay: Tiểu khu y, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Nhân viên nhà nghỉ; trình độ văn hóa: 9/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Hà Văn L1 và bà Hà Thị C1; có chồng là Hà Hồng T2 (đã ly hôn) và có 02 con (con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2020 đến ngày 10/02/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Thị S (H1):* Ông Phan Ngọc T3, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị Đồng Thị X, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Bản T4, xã P1, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

+ Anh Quàng Văn X1, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Bản H3, xã C2, thành phố S1, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Anh Lò Văn H4, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Bản H3, xã C2, thành phố S1, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 30 phút, ngày 07/01/2020, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Sơn La bắt quả tang Hà Thị S, sinh năm 1969, trú tại: Bản C, xã H2, huyện V, tỉnh Yên Bái, là nhân viên Nhà nghỉ A, địa chỉ: Tiểu khu y, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La, đang có hành vi cho 01 đôi nam nữ có tên là Đồng Thị X và Quàng Văn X1 thực hiện hành vi quan hệ tình dục (mua, bán dâm) tại phòng nghỉ số 206 của Nhà nghỉ A.

Vật chứng thu giữ gồm: 800.000đ (do Hà Thị S giao nộp, khai là tiền mua dâm do Quàng Văn X1 và Lò Văn H4 trả); 01 chiếc bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP; 01 chiếc bao cao su nhãn hiệu VIP chưa sử dụng (do Đồng Thị X giao nộp); 02 chiếc điện thoại di động do Hà Thị S và Đồng Thị X giao nộp.

Tại Kết luận giám định số 241 ngày 17/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đối với 800.000đ gửi giám định gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ, 02 tờ tiền mệnh giá 100.000đ, 08 tờ tiền mệnh giá 50.000đ kết luận: “Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật”.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H và Hà Thị S khai nhận:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1966, trú tại: Tiểu khu y, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La, là chủ Nhà nghỉ A (cùng địa chỉ nêu trên). Từ năm 2016, khi Nhà nghỉ A đi vào hoạt động, H có thuê Hà Thị S (là em chồng cũ (đã chết) của H) làm nhân viên phục vụ, đến ở tại nhà nghỉ, có ký hợp đồng lao động và trả lương 5.000.000đ/ tháng. Do nhà nghỉ ở trong ngõ, ít khách nên để tăng thu nhập cho nhà nghỉ, H có nói với S và một số nhân viên của nhà nghỉ “Nếu khách có nhu cầu gọi gái thì gọi cho họ”, S hiểu là nếu khách đến Nhà nghỉ A có nhu cầu mua dâm thì gọi gái bán dâm cho khách, S đồng ý. H không nói với S là sẽ thu bao nhiêu tiền của khách mua dâm nhưng H và S đều biết giá mua dâm đi nhanh là 400.000đ/ người/ lượt, qua đêm là 800.000đ/ người/ lượt, số tiền trả cho gái bán dâm là 200.000đ/ lượt đi nhanh và 400.000đ/ lượt qua đêm, số tiền còn lại sẽ

được nhập chung vào tiền thu được của nhà nghỉ, do H quản lý, sử dụng để chi trả lương cho nhân viên và sử dụng riêng.

Năm 2017, Nguyễn Thị T2 (chị gái của Nguyễn Thị H) là nhân viên Nhà nghỉ A có gọi gái bán dâm đến cho khách mua dâm và bị bắt, xử lý, nhà nghỉ tạm dừng hoạt động một thời gian. Khoảng tháng 11/2019, có H1 và L2 đến ở tại hai phòng gần phòng ở của S phía sau Nhà nghỉ A làm gái bán dâm được một thời gian thì bị Công an đến nhắc nhở nên H không cho H1 và L2 ở lại nữa.

Ngày 06/01/2020, có Đồng Thị X, sinh năm 1991, trú tại: Bản T4, xã P1, thị xã N, tỉnh Yên Bái đi xe máy đến gặp H để xin làm việc tại Nhà nghỉ A, H hiểu là X đến xin làm gái bán dâm tại nhà nghỉ nên đồng ý và cho X ở phòng nghỉ phía sau nhà ở của H. Sau đó H dặn S “Khi nào có khách mua dâm thì gọi X để đi khách”.

Khoảng 18 giờ, ngày 07/01/2020, có Quảng Văn X1 và Lò Văn H4, cùng trú tại: Bản H3, xã C2, thành phố S1, tỉnh Sơn La đến quầy lễ tân của Nhà nghỉ A gặp S, X1 hỏi “Chị gọi cho em hai em với”. S hiểu ý X1 muốn gọi gái bán dâm để mua dâm nên S nói lại với X1 “Bây giờ chỉ có một người thôi, cứ lên trước rồi chị sẽ gọi cho, đi tàu nhanh là 400.000đ một lượt”. Sau đó X1 và H4 mỗi người trả cho S 400.000đ tiền mua dâm. S bảo X1 lên phòng 206 và bảo H4 lên phòng 306 đợi rồi S gọi điện thoại cho X bảo X xuống phòng 206 đi khách, xong ở đấy thì lên phòng 306 đi tiếp, khách đang đợi. X đồng ý và đến phòng 206 gặp X1. X đưa cho X1 01 chiếc bao cao su nhãn hiệu VIP màu vàng, sau đó X và X1 tự cởi quần áo của mình ra, X1 tự đeo bao cao su vào dương vật rồi cùng với X nằm lên giường để quan hệ tình dục. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì X1 và X bị Tổ công tác Phòng PC02 - Công an tỉnh Sơn La phát hiện, bắt quả tang. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Do có hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 05/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị S (H1) về tội Chứa mại dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

*** Tranh tụng tại phiên tòa:**

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị S khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố và không khai báo gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Đồng Thị X xác nhận đã sử dụng chiếc điện thoại di động bị thu giữ để nghe điện thoại của Hà Thị S gọi bán dâm cho khách.

*** Tranh luận tại phiên tòa:**

Kiểm sát viên trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị S (H1) phạm tội “Chứa mại dâm”.

Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ

luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 30 đến 36 tháng tù và khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam theo quy định.

Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Thị S từ 24 đến 30 tháng tù và khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam theo quy định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng và án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị H không có ý kiến tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Thị S trình bày lời bào chữa nhất trí với cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết về nhân thân; đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án, đồng thời áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mở lượng khoan hồng cho bị cáo được hưởng mức án 18 tháng tù, miễn hình phạt bổ sung và án phí cho bị cáo.

Bị cáo Hà Thị S nhất trí với lời bào chữa của Luật sư, không có ý kiến tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Đồng Thị X không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Hà Thị S, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Quảng Văn X1 và anh Lò Văn H4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét anh X1 và anh H4 đã có đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra; kết quả điều tra cũng đã làm rõ về số tiền 800.000đ thu giữ trong vụ án nên sự vắng mặt của anh X1 và anh H4 không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh X1 và anh H4 theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị S tại phiên tòa và tại Cơ quan điều tra phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với lời khai của những người chứng kiến việc lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Hà Thị S vào hồi 18 giờ 30 phút ngày 07/01/2020 tại Nhà nghỉ A, địa chỉ: Tiểu khu y, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Do được sự đồng ý, cho phép của Nguyễn Thị H là chủ Nhà nghỉ A (có địa chỉ như trên) nên ngày 07/01/2020, Hà Thị S là nhân viên của Nhà nghỉ A đã gọi Đồng Thị X đến để bán dâm cho Quảng Văn X1 và Lò Văn H4. Khi X và X1 đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục tại phòng 206 của Nhà nghỉ A thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thị H và Hà Thị S đã phạm tội “*Chứa mại dâm*”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 327 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Lời khai của Đồng Thị X trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định: Trong ngày 07/01/2020, X đã 03 lần thực hiện hành vi bán dâm cho khách, trong đó có 02 lần vào khoảng thời gian từ 11 giờ đến 11 giờ 30 phút, do một nhân viên lễ tân nữ sử dụng số điện thoại 0977113078 mà X lưu tên trong danh bạ là “AnhCôCô” gọi và bảo X đi bán dâm tại phòng 305 và 206 của Nhà nghỉ A (X đã bán dâm xong và đã nhắn tin thông báo vào số điện thoại nêu trên); 01 lần vào khoảng thời gian từ 18 giờ đến 18 giờ 30 phút, do Hà Thị S gọi bảo X đi bán dâm tại phòng 206 và 306 Nhà nghỉ A (lần bị bắt quả tang).

Tuy nhiên, Hà Thị S chỉ thừa nhận được gọi X đi bán dâm 01 lần vào khoảng thời gian từ 18 giờ đến 18 giờ 30 phút ngày 07/01/2020; không thừa nhận được gọi X đi bán dâm vào khoảng thời gian từ 11 giờ đến 11 giờ 30 phút; Nguyễn Thị H cũng không thừa nhận được gọi X đi bán dâm vào khoảng thời gian từ 11 giờ đến 11 giờ 30 phút; kết quả điều tra xác định X không biết tên, tuổi và địa chỉ của người phụ nữ đã gọi X đi bán dâm vào khoảng thời gian từ 11 giờ đến 11 giờ 30 phút.

Kết quả xác minh đối với thông tin của số thuê bao 0977113078 xác định: Chủ thuê bao là Trần Thị Kim O, sinh ngày 04/4/1964; nơi ĐKKHKT: P1, C3, TT T4, phường T4, quận T5, Thành phố Hà Nội. Kết quả xác minh với Công an phường T4 xác định: Tiến hành kiểm tra tại địa chỉ P1, C3, TT T4, phường T4, quận T5, Thành phố Hà Nội không có ai tên là Trần Thị Kim O, sinh ngày 04/4/1964; trên địa bàn cư trú của phường T4 không có ai có nhân thân, lai lịch là Trần Thị Kim O, sinh ngày 04/4/1964.

Ngoài lời khai của Đồng Thị X thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để điều tra, xác minh. Do đó, Nguyễn Thị H và Hà Thị S chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 01 lần chứa mại dâm. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 327

Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, thuộc trường hợp nghiêm trọng.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Nguyễn Thị H có bố mẹ đẻ, bị cáo Hà Thị S có bố đẻ là người có công với Nhà nước được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Nguyễn Thị H là chủ Nhà nghỉ A đã chủ động dẫn các nhân viên của nhà nghỉ, trong đó có bị cáo Hà Thị S là nếu khách đến nghỉ có nhu cầu mua dâm thì gọi gái bán dâm cho khách. Hà Thị S sau khi tiếp nhận ý chí của H đã đồng ý ngay và trực tiếp là người thỏa thuận, nhận tiền của Quảng Văn X1 và Lò Văn H4 để gọi Đồng Thị X đến bán dâm cho X1 và H4 vào ngày 07/01/2020 nên xác định H giữ vai trò chính, còn S giữ vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trái với đạo đức, văn hóa, thuần phong mỹ tục truyền thống; hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn xã hội được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến việc xây dựng nếp sống văn minh và phá vỡ hạnh phúc của nhiều gia đình; là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm, tệ nạn xã hội và làm lây truyền nhiều bệnh xã hội nguy hiểm, bị dư luận lên án.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, được gia đình bảo lãnh nên thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mở lượng khoan hồng cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đảm bảo biện pháp cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự nhưng xét các bị cáo có điều kiện, hoàn cảnh khó khăn; bị cáo S còn là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Đối với các đối tượng có liên quan trong vụ án:

Đối với Quảng Văn X1 đã có hành vi thỏa thuận, trả tiền cho Hà Thị S để mua dâm và đã thực hiện hành vi quan hệ tình dục với Đồng Thị X; Lò Văn H4 đã có hành vi thỏa thuận, trả tiền cho S để mua dâm và được S đồng ý gọi gái bán dâm đến bán dâm nên đã cấu thành hành vi mua dâm; Đồng Thị X đã thực hiện hành vi bán dâm để được trả tiền: Xét hành vi mua, bán dâm của các đối tượng nêu trên không cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 500.000đ đối với X1, H4 và 100.000đ đối với X là có căn cứ, đúng pháp luật.

[10] Về vật chứng:

Đối với một số vật chứng đã thu giữ gồm: 02 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, 01 Giấy chứng nhận đăng ký thuế đối với Nguyễn Thị H và Quyết định số 111/QĐ-SVHTT&DL ngày 17/4/2017 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La về việc công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: Xét không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu (bị cáo H) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với số vật chứng còn lại đang được lưu giữ tại kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La gồm: 01 chiếc bao cao su đã qua sử dụng; 01 chiếc vỏ bao cao su; 01 chiếc bao cao su chưa sử dụng: Xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 800.000đ và 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của Hà Thị S; 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của Đồng Thị X: Xét đây là tiền và phương tiện trực tiếp liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 tờ giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự, 01 tờ phiếu lý lịch tư pháp mang tên Nguyễn Thị H; 01 chứng minh nhân dân mang tên Hà Thị S: Xét không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo.

[11] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung; bị cáo Hà Thị S là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Chứa mại dâm”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án

treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/7/2020).

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Hà Thị S (H1) phạm tội “Chứa mại dâm”.

Xử phạt bị cáo Hà Thị S (H1) 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/7/2020).

1.3. Giao các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị S (H1) cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) chiếc bao cao su đã qua sử dụng;

+ 01 (một) chiếc vỏ bao cao su màu vàng, nhãn hiệu VIP đã qua sử dụng;

+ 01 (một) chiếc bao cao su vỏ màu vàng, nhãn hiệu VIP chưa sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu đen (màn hình cảm ứng), 02 imei có 04 số cuối: Imei 1 619/5; Imei 2 6193 kèm 02 sim và 01 thẻ nhớ trong điện thoại, điện thoại đã qua sử dụng (thu giữ của Đồng Thị X);

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, Model 105 (điện thoại bàn phím), imei có 04 số cuối 820/5 kèm 01 sim trong điện thoại, điện thoại đã qua sử dụng (thu giữ của Hà Thị S).

+ Số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) được niêm phong trong một chiếc phong bì do Phòng KTHS - Công an tỉnh Sơn La phát hành còn nguyên niêm phong.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H:

+ 01 (một) tờ giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số

21/GCN-CD1 mang tên Nguyễn Thị H do Công an huyện P cấp ngày 11/7/2019;
+ 01 (một) tờ phiếu lý lịch tư pháp số 2 có số 869/STP-LLTP mang tên Nguyễn Thị H do Sở Tư pháp tỉnh Sơn La cấp ngày 01/7/2019.

- Trả lại cho bị cáo Hà Thị S 01 (một) Chứng minh nhân dân có số 060477630 mang tên Hà Thị S do Công an tỉnh Yên Bái cấp ngày 11/9/2016.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Thị S (H).

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/7/2020); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng PC02 - Công an tỉnh Sơn La;
- UBND TT P, huyện P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hải